

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **57/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 11/9/2018
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Thanh
2. Ông Lãnh Văn Việt.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ca – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà:
Ông Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp “Hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- * Nguyên đơn: Chị **Lương Thị T** - sinh năm 1990.
- Trú quán: Thôn H - xã TH - huyện LNg - tỉnh BG.
 - * Bị đơn: Anh **Đào Văn D** - Sinh năm 1986.
- Trú quán: Thôn H - xã TH - huyện LNg - tỉnh BG.
- Chị T, anh D có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/7/2018 và những lời khai của nguyên đơn chị Lương Thị T lời khai của bị đơn anh Đào Văn D và trong quá trình xét xử nội dung vụ án như sau:

Chị Lương Thị T và anh Đào Văn D kết hôn vào tháng 10 năm 2007. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương. Chị T anh D có đến Ủy ban nhân dân xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới Chị T anh D về chung sống cùng nhau ngay và ở tại Thôn H - xã TH - huyện LNg - tỉnh BG. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Chị T, anh D cho rằng hai vợ chồng chỉ chung sống với nhau được một thời gian ngắn là phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống, có nhiều bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung do đó cũng có xảy ra cãi nhau nhiều lần. Từ năm 2016 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Quý Sơn, Lục Ngạn sinh sống. Chị T anh D sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên có nín nhịn nhưng không được. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng với anh D không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D. Anh D xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị T, anh vẫn mong muốn chị T suy nghĩ lại để về đoàn tụ vợ chồng, chị T xin ly hôn anh không đồng ý, nếu chị T kiên quyết ly hôn với anh, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Trong quá trình chung sống Chị T anh D có 03 con chung là:

1. Cháu Đào Hương T - Sinh năm 2008.
2. Cháu Đào Hương Ngọc K - Sinh năm 2010.
3. Cháu Đào Công S - Sinh năm 2016

Khi ly hôn chị T xin nhận nuôi cháu Đào Công S, anh D nuôi cháu H T và cháu NK. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Anh D có nguyện vọng nuôi cả ba con chung, không đề nghị chị T phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Cháu H T và cháu NK trình bày nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn ở với bố là anh D.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T, anh D đều xác nhận có tài sản chung, không liên quan vay nợ ai. Không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản công nợ.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D và giải quyết việc nuôi con chung. Anh D xác định tình cảm vợ chồng với chị T vẫn còn, chị T kiên quyết ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Về con chung nếu ly hôn anh nhận nuôi cả ba con chung, không đề nghị giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Chị T đồng ý để anh D nuôi cả ba con chung.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị T.

Cho chị Lương Thị T ly hôn với anh Đào Văn D.

Giao anh D nuôi dưỡng chăm sóc cả ba con chung là cháu Đào Công S - Sinh năm 2016; cháu Đào Hương T - Sinh năm 2008 và cháu Đào Hương Ngọc K - Sinh năm 2010. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ không đặt ra xem xét giải quyết

Về án phí chị Lương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Lương Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, con chung với anh Đào Văn D. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị T anh D tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2007 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Chị T làm đơn đề nghị giải quyết ly hôn với anh D. Hội đồng xét xử nhận thấy Chị T, anh D có mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống, do hai bên không quan tâm tới nhau, không hiểu nhau làm cho tình cảm rạn nứt, cuộc sống không có hạnh phúc. Hai bên có liên lạc nín kéo nhưng không có kết quả, vợ chồng không ai còn quan tâm tới ai. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa Chị T anh D mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình làm việc cũng như tại phiên Tòa ngày hôm nay chị T kiên quyết ly hôn, không muốn quay về đoàn tụ với anh D, anh D đề nghị chị T suy nghĩ về đoàn tụ, nếu chị T kiên quyết xin ly hôn anh đề nghị giải quyết theo quy định. Tuy nhiên chị T vẫn một mực xin ly hôn không muốn về đoàn tụ vợ chồng với anh D. Do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị T. Cho chị T được ly hôn với anh D theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung:

Chị T anh D có 03 con chung là: Cháu Đào Hương T - Sinh năm 2008. Cháu Đào Hương Ngọc K - Sinh năm 2010. Cháu Đào Công S - Sinh năm 2016. Vợ chồng ly hôn anh D có nguyện vọng nuôi cả ba con chung. Tại phiên tòa hôm nay chị T đồng ý để anh D nuôi cả ba con chung, anh D không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Xét thấy chị T và anh D đều có quyền và nghĩa vụ chăm

sóc, giáo giục các con chung phát triển lành mạnh về thể chất, tinh thần, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Chị T anh D thỏa thuận được với nhau về việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, việc thỏa thuận này giữa Chị T anh D là hoàn toàn tự nguyện. Do vậy cần giao cháu Đào Công S. Cháu Đào Hương T và cháu Đào Hương Ngọc K cho anh D nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình và phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T anh D không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Lương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

** Vì các lẽ trên.*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị T

1. Cho chị Lương Thị T được ly hôn với anh Đào Văn D
2. Giao cho anh Đào Văn D nuôi dưỡng, chăm sóc cả ba con chung là cháu Đào Hương T - Sinh năm 2008; cháu Đào Hương Ngọc K - Sinh năm 2010 và cháu Đào Công S - Sinh năm 2016. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn chị T được quyền đi lại thăm nuôi con chung không được ai được ngăn cản chị T thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền dự phí tại Chi cục Thi hành

án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số: AA/2016/0003496 ngày 30/7/2018. Khoản tiền này chuyển thành án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Bắc Giang
- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn.
- UBND xã QS, LNg;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PTHU TOÀ**

Nguyễn Việt Hùng